



BÀI 2

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CƠ BẢN & BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TS. Trần Thị Thanh Tú
Khoa Ngân hàng – Tài chính, ĐH KTQD

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CƠ BẢN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Hiểu được các hoạt động tài chính cơ bản
- Đọc và hiểu các BCTC
- Mối quan hệ giữa các báo cáo tài chính
- Tác động của thuế đến các BCTC
- Báo cáo tài chính hợp nhất

cuuduongthancong.com

Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

- Các hoạt động tài chính cơ bản

cuu duong than cong. com

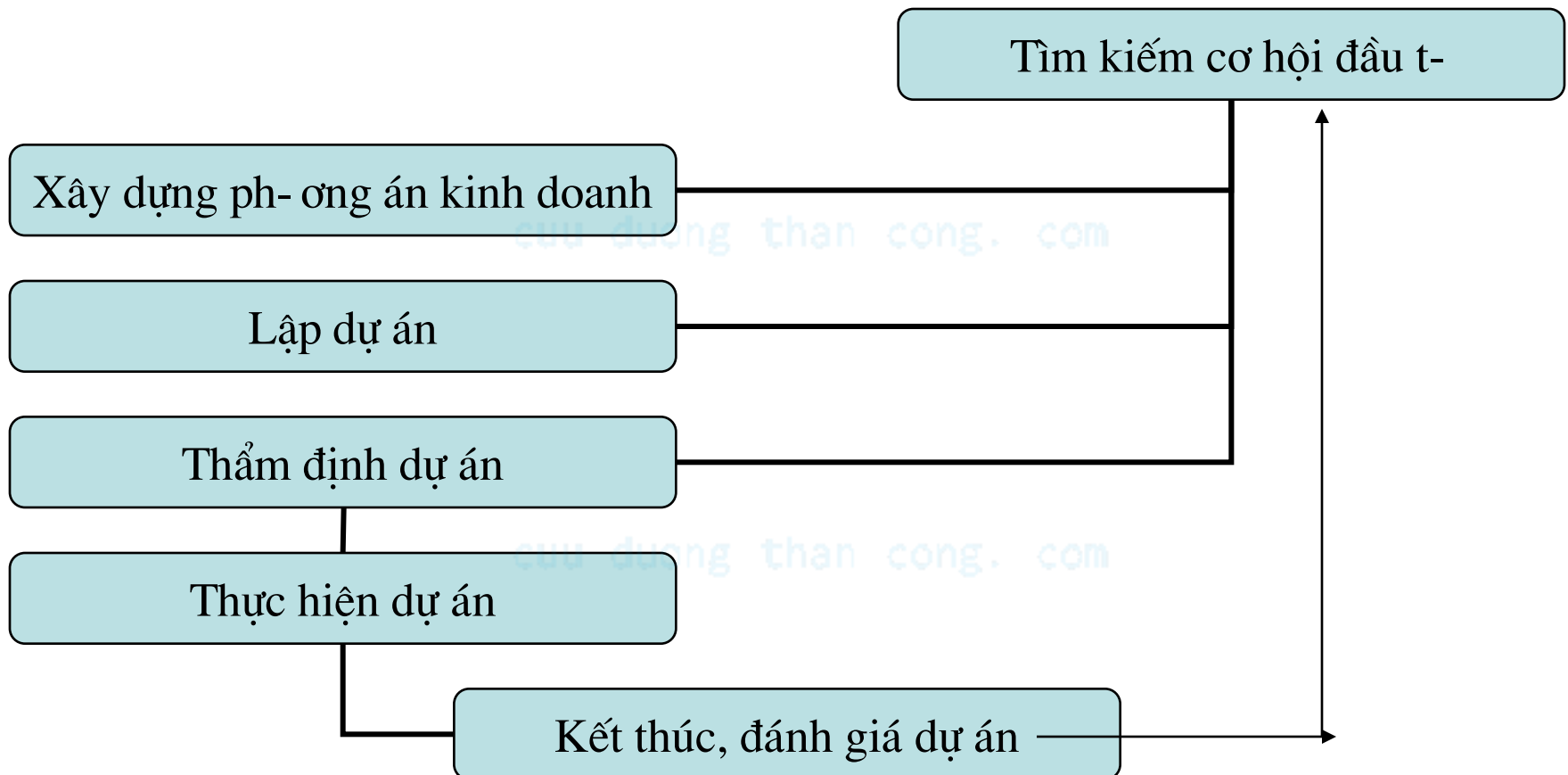
- Cơ sở hoạt động tài chính doanh nghiệp

cuu duong than cong. com

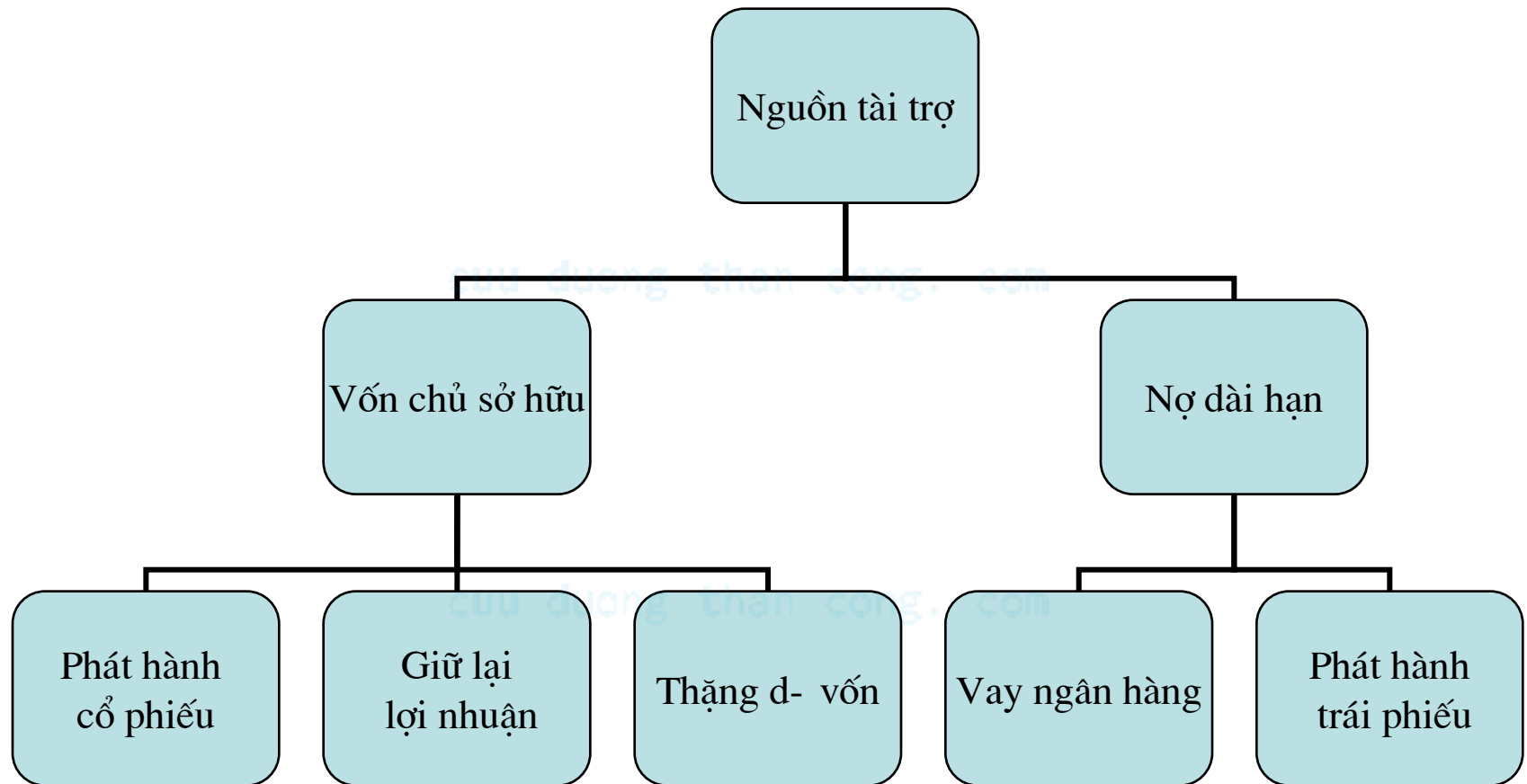
Hoạt động tài chính cơ bản

- Tìm kiếm các dự án đầu t- dài hạn
- Lựa chọn nguồn tài trợ dài hạn
- Đ- a ra các quyết định tài chính ngắn hạn

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỐ BỔN TÌM KIẾM DÒNG NHẬP TỐ DÀI HƠN



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỐ BỔN LỰA CHỌN NGUỒN TÀI TRỢ DÀI HẠN



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỐ BẢN CÁC RA CÁC QUYẾT ĐỊNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

- Quản lý dòng tiền vào, ra (thu – chi)
- Quản lý khả năng thanh toán
- Phân tích Chính sách tín dụng th- ơng mại
- Quản lý Doanh thu – Chi phí

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỐ BỔN NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

- Nguyên tắc giá trị thời gian của tiền

cuu duong than cong. com

- Nguyên tắc đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận

cuu duong than cong.



Giới thiệu về các báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo l- u chuyển tiền tệ
- Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

- ☐ nghĩa?
- Nguyên tắc lập?

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Bảng cân đối kế toán

TỔNG TÀI SẢN	TỔNG NGUỒN VỐN
Tài sản ngắn hạn <ul style="list-style-type: none"> ❖ Tiền và t- ơng đ- ơng tiền ❖ Khoản phải thu ❖ Tồn kho ❖ Đầu t- tài chính ngắn hạn 	Nợ ngắn hạn <ul style="list-style-type: none"> ❖ Khoản phải trả ❖ Khoản phải nộp (thuế TNDN hoãn lại) ❖ Vay ngắn hạn
Tài sản dài hạn <ul style="list-style-type: none"> ❖ Đầu t□ tài chính dài hạn ❖ Tài sản cố định (NG) <ul style="list-style-type: none"> Khấu hao lũy kế Hữu hình (GTCL) ❖ Vô hình: <ul style="list-style-type: none"> <i>TSCĐVH xác định đ□ợc</i> <i>TSCĐVH không xác định đ□ợc</i> 	Nguồn dài hạn: Nợ dài hạn: <ul style="list-style-type: none"> ❖ Vay dài hạn NH ❖ Phát hành trái phiếu dài hạn Vốn chủ sở hữu <ul style="list-style-type: none"> ❖ Vốn góp của CSH (phát hành cổ phiếu) ❖ Thặng d- vốn cổ phần ❖ Cổ phiếu quỹ ❖ Lợi nhuận giữ lại

Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
2	Giá vốn hàng bán
3	Lãi gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính
5	Chi phí từ hoạt động tài chính (trong đó: lãi vay)
6	Chi phí bán hàng
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
9	Thu nhập khác
10	Chi phí khác
11	Lợi nhuận khác
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành (và hoãn lại)
14	Lợi nhuận sau thuế

Báo cáo kết quả kinh doanh

- ☐ nghĩa?
- Nguyên tắc lập?

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Báo cáo 1- u chuyển tiền tệ

- □ nghĩa?
- Nguyên tắc lập?

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Báo cáo 1- u chuyển tiền tệ

Nguyên tắc lập

- Ph- ơng pháp trực tiếp

cuu duong than cong. com

- Ph- ơng pháp gián tiếp

cuu duong than cong. com

Báo cáo l- u chuyển tiền tệ

<i>L<u>u</u> chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</i>	
<i>Ph<u>o</u>ng pháp gián tiếp</i>	<i>Ph<u>o</u>ng pháp trực tiếp</i>
Lợi nhuận ròng sau thuế	Thu từ bán hàng
+ Cộng vào: Khoản điều chỉnh: khấu hao, dự phòng	+Cộng vào các khoản Nợ đã thu - Trừ đi các khoản Nợ đã trả
-Trừ đi: Giảm của Phải Trả, Tăng lên của Phải Thu, Tăng của Dự trữ	-Trừ đi Các khoản Trả Cho công nhân, nhà cung cấp -- Trừ đi Lãi vay, thuế đã trả
+ Cộng vào: Tăng của Phải trả, Giảm của Phải Thu, giảm của dự trữ	

Báo cáo l- u chuyển tiền tệ

Lu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu t

-Trừ đi: mua sắm Tài sản cố định

- góp vốn liên doanh, liên kết

+ Cộng vào Thu đ- ợc do thanh lý, nh- ợng bán TSCĐ

+ Lãi thu đ- ợc do đầu t- cổ phiếu, trái phiếu

+ Tiền thu đ- ợc do thu hồi vốn góp vào doanh nghiệp khác

Lu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính

+ Cộng vào Tiền vay, tăng vốn góp

+ Cộng vào Tiền thu do phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của doanh nghiệp khác

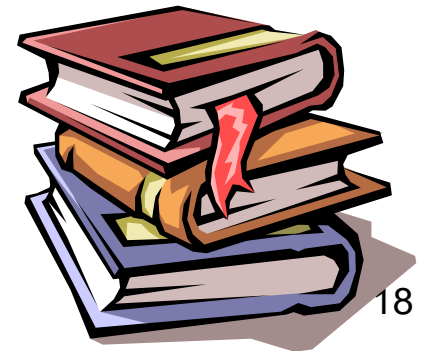
-Trừ đi các khoản đi vay đã trả (gốc)

- Trừ đi Lãi cổ phần (cổ tức) đã trả

-Trừ đi chi mua CP, TP của doanh nghiệp khác, mua lại CP đã phát hành

Thuyết minh báo cáo tài chính

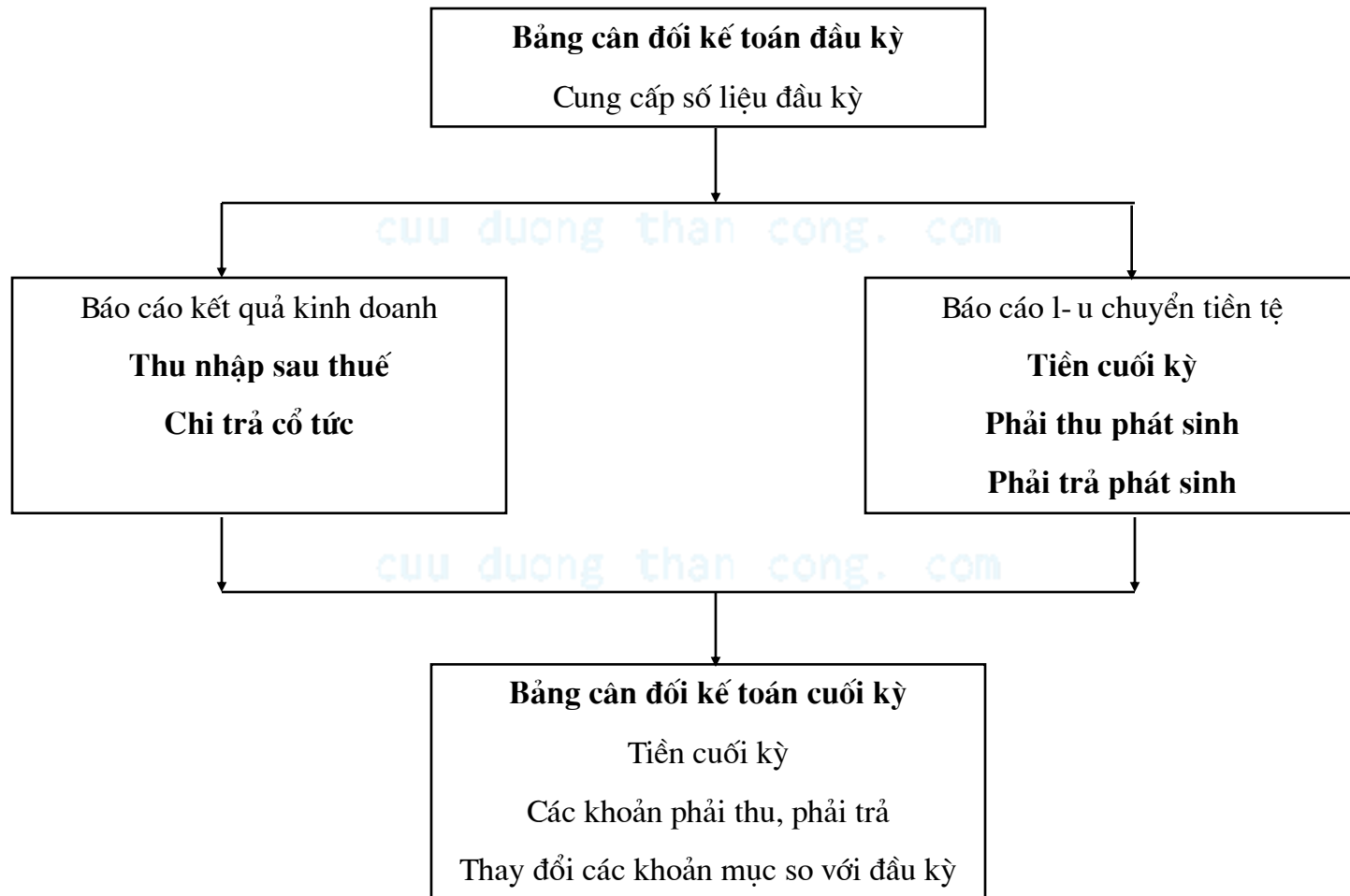
- Giải thích nguyên tắc kế toán áp dụng
- Bổ sung, giải thích thêm về các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính
- Cung cấp thêm thông tin chi- a có trong hệ thống báo cáo tài chính
- Có thể do doanh nghiệp tự lập hay theo mẫu quy định của Nhà n- ớc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NỘI DUNG

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
3. Chế độ kế toán áp dụng
4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt nam
5. Các chính sách kế toán áp dụng
6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên BCĐKT&BCKQKD
7. Những thông tin khác: thay đổi kỳ lập báo cáo, thông tin khác...

Mối quan hệ giữa các BCTC



CHUỘN MỐC KẾ TOÁN QUỐC TẾ VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (IAS 1)

Một hệ thống đầy đủ các BCTC bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Position Financial Statement)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (Performance Financial Statement)
- Báo cáo khác phản ánh:
 - Thay đổi về Vốn chủ sở hữu
 - Thay đổi của Vốn chủ sở hữu ngoài các nghiệp vụ góp vốn và phân chia cho chủ sở hữu
- Báo cáo l- u chuyển tiền tệ
- Các chính sách kế toán và thuyết minh khác

CHUỘN MỐC KẾ TOÁN QUỐC TẾ VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (IAS 1)

Các nguyên tắc cơ bản khi lập các BCTC

- Nguyên tắc hoạt động liên tục
- Nguyên tắc nhất quán với năm tr- ớc
- Nguyên tắc dồn tích
- Nguyên tắc trọng yếu

Các yêu cầu cơ bản khi lập các BCTC

- Tính kịp thời
- Tính khả dụng của các ph- ơng pháp áp dụng
- Nêu các chuẩn mực KT tr- ớc đây
- Cơ sở cho việc lựa chọn chính sách KT hiện tại
- Quy tắc bù trừ

CHUỘN MỐC KẾ TOÁN VIỆT NAM VAS21

TRÌNH BÀY CÁC BỐ CẠO TÀI CHNH

- Những thay đổi cơ bản:
 - Tách biệt Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn
 - Bổ sung các khoản t- ơng đ- ơng tiền
 - Tách nhỏ các bộ phận nguồn vốn kinh doanh: Vốn do phát hành CP, thặng d- vốn cổ phần, Cổ phiếu ngân quỹ
 - Bổ sung khoản mục Bất động sản đầu t- trong TSDH
 - Tách biệt rõ ràng nợ ngắn hạn và nợ dài hạn

GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 27
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25
“Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con”
 - Thông tư TT 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005 của Bộ tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

khái niệm chung

- **Báo cáo tài chính hợp nhất (Consolidated Financial Statements)** là báo cáo tài chính của một tập đoàn (nhóm) được trình bày như một thực thể kinh tế đơn lẻ
- **Tập đoàn (Group)** – gồm một công ty mẹ và các công ty con (subsidiaries)
- **Công ty mẹ (Parent entity)** – một công ty có một hoặc nhiều công ty con
- **Công ty con (Subsidiary)** – một tổ chức bị kiểm soát bởi một tổ chức khác

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

khái niệm chung

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng cách kết hợp báo cáo tài chính của các đơn vị riêng biệt trong tập đoàn vào với nhau (với những điều chỉnh thích hợp)
- Đó không phải là quá trình lũy kế như phương pháp lập báo cáo tài chính cho các đơn vị riêng biệt

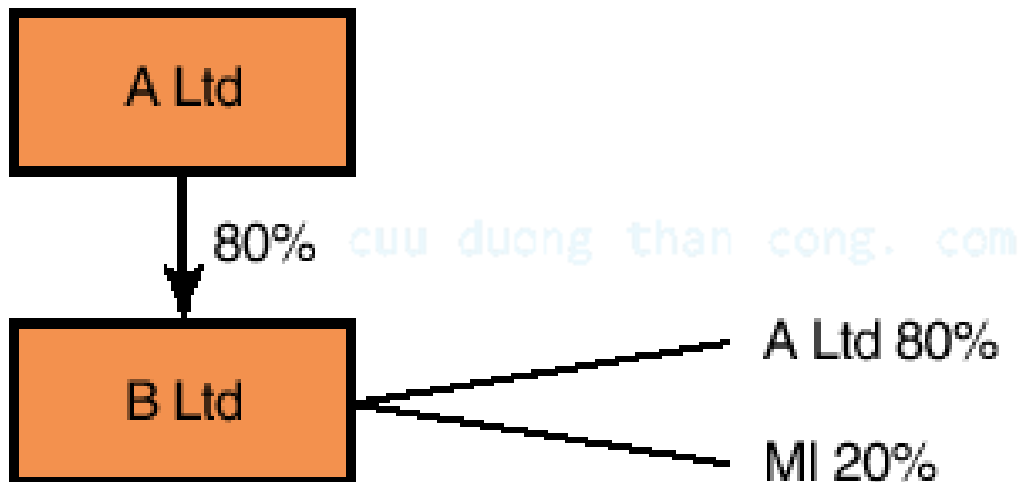
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

đơn vị lập báo cáo tài chính hợp nhất

- Câu hỏi là ai là người phải lập báo cáo tài chính hợp nhất?
- Cơ sở của hợp nhất là “sự kiểm soát”. Việc xác định liệu một tổ chức có kiểm soát một tổ chức khác hay sẽ quan trọng trong việc xác định tổ chức nào sẽ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất
- Khái niệm sự kiểm soát mang nhiều ý nghĩa
 - Thông qua quyền điều hành chính sách hoạt động và tài chính
 - Khả năng thu được lợi ích từ hoạt động của tổ chức khác
- Sở hữu không hẳn là kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

xác định phạm vi hợp nhất báo cáo



- Bao gồm các khoản tài sản, nợ nào?
- Sở hữu của cổ đông thiểu số xác định là gì?

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

khái niệm hợp nhất báo cáo

- Khái niệm đơn vị (Entity concept) của hợp nhất
 - Tập đoàn (group) bao gồm tài sản, nợ của công ty mẹ và toàn bộ tài sản, nợ của công ty con
 - Cổ đông thiểu số (MI) được xem là đối tượng góp vốn vào tập đoàn, do vậy có cùng quyền về sở hữu như cổ đông của công ty mẹ
- Khái niệm công ty mẹ (Parent entity concept) của hợp nhất
 - Tập đoàn (group) bao gồm tài sản, nợ của công ty mẹ và toàn bộ tài sản, nợ của công ty con
 - Lợi ích của cổ đông thiểu số được xem là một khoản nợ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

khái niệm hợp nhất báo cáo

- Khái niệm sở hữu (Proprietary concept) của hợp nhất
 - Tập đoàn (group) bao gồm tài sản và nợ của công ty mẹ và một phần tài sản và nợ của công ty con tính theo tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong công ty con
 - Cổ đông thiểu số không thuộc tập đoàn, nên phần sở hữu (vốn chủ sở hữu) thuộc về cổ đông thiểu số không phản ánh trong báo cáo hợp nhất (cả phần tài sản, nợ thuộc về cổ đông thiểu số)

Cơ chế hợp nhất:

- **Cơ chế hợp nhất:** Hợp nhất bao gồm 2 bước: Tổng hợp và loại trừ.
- **Tổng hợp:** Báo cáo tài chính hợp nhất tổng hợp những tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí của công ty con với những khoản mục tương tự trong báo cáo tài chính của công ty mẹ.
- **Loại trừ:** những giao dịch liên công ty (những tài khoản tương hỗ) để tránh tính trùng hoặc xác định trước thu nhập.

BÁO CÁO HỢP NHẤT

nguyên lý cơ bản

- Các khoản mục của báo cáo hợp nhất được xác định dựa trên việc phân tích sự khác biệt giữa các khoản mục của báo cáo của tập đoàn như là một thực thể độc lập so với số tổng cộng của cùng các khoản mục của các đơn vị trong tập đoàn, từ đó xác định các **điều chỉnh** phù hợp
- Gọi là điều chỉnh hợp nhất báo cáo
- Các “bút toán điều chỉnh” (adjustment entries) được thực hiện ở bảng tính hợp nhất, thực tế không hề có các bút toán kế toán nào được thực hiện vào các tài khoản của công ty mẹ cũng như các công ty con
- Bút toán điều chỉnh được lặp lại hàng năm nếu thích hợp

BÁO CÁO HỢP NHẤT

- Ví dụ
- Bài đọc báo cáo tài chính hợp nhất

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com